TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 06 - 2023
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Thức**

Ông **Nguyễn Thanh Không**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Văn Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số:64/2023/TLST- HNGĐ ngày 17/02/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30 ngày 19/5/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị **Phún Tố M**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: tổ A, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn**: Anh **Ừng Cá L**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: tổ B, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phún Tố M trình bày:**

Chị và anh Ừng Cá L kết hôn với nhau năm 2020, đăng ký kết hôn tại xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Ừng Nhật H, sinh ngày 25/7/2020.

Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng gia đình chị, chị ở nhà nội trợ, chăm

con còn anh học nghề và đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung hạnh phúc cho đến tháng 01/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh không đưa tiền phụ chị nuôi con. Vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi nhau nên anh không về nhà chị và cũng không qua lại thăm con, cấp dưỡng nuôi con. Gia đình anh khuyên anh không được. Tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Con chung chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Ừng Nhật H, sinh ngày 25/7/2020 và không yêu cầu anh góp phí tổn nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

*** Bị đơn anh Ừng Cá L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không trình bày.**

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:**

Bản tự khai; căn cước công dân, (bản sao chứng thực); giấy đăng ký kết hôn (bản chính); biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh; đơn đề nghị không hòa giải; đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Quan điểm của Viện kiểm sát huyện C**: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nên HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc thời gian đầu. Năm 2021 là phát sinh mâu thuẫn do anh không phụ chị nuôi con. Ông Phún Trì T là cha ruột của chị M xác nhận vợ chồng anh chị không ở cùng nhau từ tháng 01/2021, anh không qua lại thăm nom, chăm sóc vợ con.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai người đã sống ly thân đã lâu nên mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều Điều 51, 56 - Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị M ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị M yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ừng Nhật H, sinh ngày 25/7/2020, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Từ lúc vợ chồng không sống cùng nhau, cháu H do chị M chăm sóc nên giao con cho chị Mỹ nuôi dưỡng là phù hợp. Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Phún Tố M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nuôi con chung với anh Ừng Cá L nên đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Ừng Cá L có hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Phún Tố M và anh Ừng Cá L có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào năm 2020, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M nhận thấy:

Chị M khai cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian đầu, tháng 01/2021 là phát sinh mâu thuẫn do anh không có trách nhiệm với gia đình. Anh chị đã không sống cùng nhau từ thời điểm đó.

Tại (BL24) ông Phún Trì T là cha của chị M cho biết vợ chồng chị M mâu thuẫn nhiều vào năm 2021, anh L không qua lại thăm vợ con, không có trách nhiệm .

Tại (BL26), UBND xã X xác nhận anh chị có đăng ký kết hôn nhưng địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn do địa phương không nhận đơn yêu cầu giải quyết liên quan đến mâu thuẫn hôn nhân của anh chị.

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, sống chung với nhau nhưng anh chị hiện không ở cùng nhau, chị M yêu cầu ly hôn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 51, 56, 57 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[5] Về con chung: Chị M yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ừng Nhật H, sinh ngày 25/7/2020 và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Từ lúc anh chị không sống cùng nhau, chau H do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, Tòa án triệu tập nhưng anh L vắng mặt không có lý do nên giao con cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp. Chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: chị M phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 – Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phún Tố M.

Chị Phún Tố M được ly hôn với anh Ừng Cá L.

- Về con chung: Giao cháu Ừng Nhật H, sinh ngày 25/7/2020 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh L không góp phí tổn nuôi con.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Phún Tố M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp sang án phí. (Biên lai số 0001825 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND. tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND H. C;*
- *Thi hành án dân sự H. C;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã X;*
- *Hồ sơ vụ án.*
- *Lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Yến